

Bản án số: 133/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 30/9/2024
“V/v tranh chấp về hôn nhân và
gia đình, ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ TỊNH BIÊN, TỈNH AN GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tâm.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Trần Thanh Hoàng;
- Ông Châu Cương.

Thư ký phiên tòa: Ông Trần Văn Quới, Thư ký Tòa án nhân dân thị xã
Tĩnh Biên, tỉnh An Giang.

*Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Tĩnh Biên, tỉnh An Giang tham
gia phiên tòa:* Ông Đặng Phương Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 30/9/2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Tĩnh Biên xét xử sơ
thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 48/2024/TLST-HNGĐ
ngày 01/3/2024 về việc: “*Tranh chấp hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết
định đưa vụ án ra xét xử số 204/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20/8/2024, Quyết
định hoãn phiên tòa số 168/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13/9/2024, giữa:

Nguyên đơn: Bà Neàng Chanh R, sinh năm 1990; nơi cư trú: tổ A, khóm
P, phường A, thị xã T, tỉnh An Giang.

Bị đơn: Ông Châu P, sinh năm 1990; nơi cư trú: ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh
An Giang.

Nguyên đơn và bị đơn vắng mặt (nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét
xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên
đơn bà Neàng Chanh R trình bày:*

Nguyên đơn và bị đơn ông Châu P đăng ký kết hôn ngày 15/3/2017 tại
UBND xã A, huyện (nay là thị xã) Tĩnh Biên. Thời gian đầu, vợ chồng chung
sống hạnh phúc, về sau phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, vợ chồng
sống chung nhưng không có tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn sống
chung từ tháng 02/2023 đến nay. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn.

- Về con chung: Trong quá trình chung sống, vợ chồng có 02 con chung tên Neàng Srây N, sinh ngày 08/11/2012 và Chau Pích K, sinh năm 05/12/2018, hiện các con đang sống chung với nguyên đơn. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng và chăm sóc 02 con chung, yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản ghi nhận ý kiến, cháu Neàng S Nich có nguyện vọng được sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng Thông báo thụ lý, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng bị đơn vắng mặt không có lý do. Do đó, Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa:

Thẩm phán được phân công thụ lý giải quyết vụ án thực hiện đúng, cơ bản thực hiện đầy đủ các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 (BLTTDS).

Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án tại phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của BLTTDS về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

Người tham gia tố tụng, nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng của họ theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Tuy nhiên, bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo Điều 70, 72 BLTTDS.

Về giải quyết vụ án, nguyên đơn và bị đơn có đăng ký kết hôn nên được xem là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật thừa nhận. Xét thấy về tình cảm, nguyên đơn và bị đơn không còn hạnh phúc do bất đồng quan điểm sống và đã không còn sống chung. Nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cần xem xét cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống, nguyên đơn và bị đơn 02 con chung tên là Neàng Srây N, sinh ngày 08/11/2012 và Chau Pích K, sinh năm 05/12/2018, hiện các con đang sống chung với bà Neàng Chanh R, nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung, đồng thời cháu Neàng S Nich có nguyện vọng được tiếp tục chung sống với mẹ sau khi cha mẹ ly hôn nên việc giao con chung cho bà N1 Chanh Ru nuôi dưỡng là phù hợp.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng, do bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng nên cần áp dụng khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để quyết định mức cấp dưỡng không thấp hơn $\frac{1}{2}$ tháng lương tối thiểu vùng tại nơi bị đơn cư trú (thị xã T) là 1.800.000 đồng/tháng cho mỗi cháu cho đến khi đủ 18 tuổi.

Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Từ những phân tích nêu trên, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, chấp

nhận yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn; giao các cháu Neàng Srây N, sinh ngày 08/11/2012 và Chau Pích K, sinh năm 05/12/2018 cho nguyên đơn nuôi dưỡng; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, mỗi cháu 1.800.000 đồng/tháng cho đến khi đủ 18 tuổi.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Về tố tụng:

[1] Nguyên đơn bà Neàng Chanh R khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn ông Chau P; bị đơn có địa chỉ cư trú tại ấp V, xã V, thị xã T, tỉnh An Giang. Xét đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thị xã Tịnh Biên theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Nguyên đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 và Điều 228 BLTTDS.

Về nội dung:

[3] Nguyên đơn và bị đơn kết hôn trên cơ sở tự nguyện, đăng ký kết hôn tại UBND xã A nên được xem là hôn nhân hợp pháp, phát sinh quyền và nghĩa vụ của vợ chồng.

Điều 19 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 quy định:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình.

Vợ chồng có nghĩa vụ sống chung với nhau, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận khác hoặc do yêu cầu của nghề nghiệp, công tác, học tập, tham gia các hoạt động chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội và lý do chính đáng khác.

Xét, vợ chồng phải thương yêu, chăm sóc, giúp đỡ và sống chung với nhau, nguyên đơn và bị đơn phát sinh mâu thuẫn và không còn sống từ tháng 02/2023 cho đến nay. Đồng thời, bị đơn đã được Tòa án đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, trong đó có thông báo về phiên hòa giải nhưng bị đơn không đến Tòa án tham dự, cho thấy bị đơn không có thiện chí trong việc hoà giải đoàn tụ, vun bồi hạnh phúc gia đình. Do đó, việc hàn gắn mâu thuẫn cùng nhau xây dựng, chăm lo cuộc sống gia đình là không thể thực hiện được. Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với bị đơn là có căn cứ chấp nhận theo quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[4] Về con chung: Cháu Neàng Srây N và Chau Pích K, hiện đang sinh sống với bà Neàng Chanh R, cháu Neàng S Nich có nguyện vọng được sống chung với mẹ. Nguyên đơn yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung. Nhằm ổn định cuộc sống của 02 cháu, xét giao cháu N1 Srây Nich và Chau Pích Kunh cho nguyên đơn tiếp tục nuôi dưỡng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[5] Xem xét yêu cầu cấp dưỡng nuôi con của nguyên đơn, thấy rằng theo quy định tại các Điều 81, 82 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014: Sau khi ly hôn, cha mẹ vẫn có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chưa thành niên; cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con. Do đó, việc nguyên đơn yêu cầu bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con là có căn cứ chấp nhận.

Về mức cấp dưỡng, tại biên bản xác minh ngày 24/9/2024, ông Chau P1 (cha ruột bị đơn) cho biết: *Hiện Chau P đang làm công nhân tại tỉnh Long An, hàng tháng Chau Phênh vẫn gửi tiền cấp dưỡng nuôi con cho Neàng Chanh R. Về thu nhập của Chau P thì ông không biết.*

Khoản 2 Điều 7 Nghị quyết 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình quy định:

Tiền cấp dưỡng cho con là toàn bộ chi phí cho việc nuôi dưỡng, học tập của con và do các bên thỏa thuận. Trường hợp các bên không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định mức cấp dưỡng căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng. Mức cấp dưỡng do Tòa án quyết định nhưng không thấp hơn một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con.

Do bị đơn vắng mặt suốt quá trình tố tụng và không có căn cứ để xác định thu nhập, khả năng của người có nghĩa vụ cấp dưỡng nên mức cấp dưỡng nuôi con được xác định là một nửa tháng lương tối thiểu vùng tại nơi người cấp dưỡng đang cư trú cho mỗi tháng đối với mỗi người con. Cụ thể bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con mỗi cháu là 1.800.000 đồng/tháng như quan điểm đề nghị của đại diện Viện kiểm sát.

[6] Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét trong vụ án.

[7] Về án phí: Nguyên đơn có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm; bị đơn có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con nên phải chịu án phí theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 107, 110 và Điều 131 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; Điều 147, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Neàng Chanh R;

[1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Neàng Chanh R được ly hôn ông Chau P.

[2] Về con chung: Bà Neàng Chanh R được tiếp tục nuôi dưỡng 02 con chung tên là Neàng Srây N, sinh ngày 08/11/2012 và Chau Pích K, sinh năm 05/12/2018; buộc ông Chau P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung tên Neàng Srây N và Chau P2 Kunh hàng tháng, mỗi tháng cấp dưỡng 1.800.000 (*một triệu tám trăm nghìn*) đồng/con chung, thời gian cấp dưỡng tính từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi từng con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định pháp luật.

Bà Neàng Chanh R cùng thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở ông Chau P trong việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Toà án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

[3] Về án phí: Bà Neàng Chanh R phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng tạm ứng án phí hôn nhân sơ thẩm đã nộp theo biên lai số BLTU/23 số 0010723 ngày 29/02/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Tịnh Biên. Bà Neàng Chanh R đã nộp đủ án phí.

Ông Chau P phải chịu 300.000 (*ba trăm nghìn*) đồng án phí cấp dưỡng nuôi con.

[4] Quyền kháng cáo: Trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận tổng đạt bản án hoặc bản án được niêm yết, nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo để yêu cầu Toà án nhân dân tỉnh An Giang xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND TX. Tịnh Biên (2);
- TAND tỉnh An Giang (1);
- Chi cục THADS TX. Tịnh Biên (1);
- UBND nơi ĐKKH (1);
- Các đương sự (1);
- Lưu hồ sơ (1);
- Lưu Văn phòng (1).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Thanh Tâm